

Số: *1397* /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày *19* tháng *4* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo Trạm bảo vệ rừng Ngọc Lặc thuộc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các Trạm bảo vệ rừng của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2018;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1780/SXD-QLN ngày 04/4/2019 về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo Trạm bảo vệ rừng Ngọc Lặc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo Trạm bảo vệ rừng Ngọc Lặc với những nội dung sau:

- 1. Tên công trình:** Sửa chữa, cải tạo Trạm bảo vệ rừng Ngọc Lặc.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
- 3. Chủ đầu tư:** Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa.
- 4. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- 5. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.**
 - 5.1. Công trình:** Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc

a) *Đánh giá hiện trạng công trình:* Công trình có quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 152m². Công trình cao 8,6m (tính từ cos nền nhà đến cốt đỉnh mái) trong đó tầng 01 cao 3,9m; tầng 02 cao 3,6m; mái cao 2,1m; cos nền nhà cao hơn cos sân 1,2m.

Một số hạng mục đã xuống cấp, hư hỏng như: Tường, trần quét vôi ve bị hoen ố, rêu mốc. Nền gạch hành lang tầng 2 bị bong rộp diện tích 8,4m². Hệ thống điện một số phòng xuống cấp cần cải tạo sửa chữa lại. Khu vệ sinh tầng 1, 2 nền bị sụt lún, gạch ốp tường bong rộp, một số thiết bị vệ sinh bị hỏng và thiếu. Hệ thống đường ống cấp nước xuống cấp.

b) *Giải pháp cải tạo:*

- Cải tạo tầng 1: Phá dỡ bồn hoa trực 5-8. Xây tường bao 110, trát VXM mác 50. Xây lại bồn hoa trực 1. Đổ đất tôn nền dày 45cm, đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 50mm. Xây bậc tam cấp gạch không nung vữa xi măng mác 50, đánh Granito bậc tam cấp. Bóc nền khu vệ sinh và gạch ốp tường lát lại nền bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm, ốp tường gạch kích thước 300x450mm cao 2,15m. Tháo 2 Lavabo khu vệ sinh, lắp lại 1 Lavabo bên ngoài, đi lại hệ thống điện và lắp thiết bị nhà vệ sinh. Lắp đặt hệ thống máy bơm và đường ống cấp nước khu vệ sinh. Cạo bỏ lớp vôi ve cũ, quét vôi ve lại toàn bộ nhà 1 nước lót, 2 nước màu. Vệ sinh hoa sắt cửa sổ, lan can, cửa sắt sơn lại màu xanh. Đi lại đường điện cho phòng 1 và phòng 2, nguồn cấp giữ nguyên. Lắp đặt bóng điện và quạt trần, dây dẫn dùng dây 2x1,5mm² luôn trong ống ghen D15.

Khu vệ sinh: Lắp đặt đường dây điện 2x2,5mm² cấp cho bình nóng lạnh, thay bóng ốp trần, ổ cắm điện.

- Cải tạo tầng 2: Bóc nền gạch hành lang bị bong rộp lát lại bằng gạch KT 300x300mm diện tích 8,4m². Bóc nền khu vệ sinh và gạch ốp tường lát lại nền bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm, ốp tường gạch kích thước 300x450mm, cao 1,95m. Thay toàn bộ thiết bị vệ sinh, lắp thêm bình nóng lạnh, thay bóng đèn lớp, đi đường điện cấp cho bình nóng lạnh. Cạo bỏ lớp vôi ve cũ tường trần quét vôi ve lại 1 nước lót, 2 nước màu. Vệ sinh hoa sắt cửa sổ, lan can sơn lại màu xanh. Đi lại đường điện cho phòng 3 và phòng 4, nguồn cấp giữ nguyên. Lắp đặt bóng điện và quạt trần, dây dẫn dùng dây 2x1,5mm² luôn trong ống ghen D15.

Khu vệ sinh: Lắp đặt đường dây điện 2x2,5mm² cấp cho bình nóng lạnh, thay bóng ốp trần, ổ cắm điện.

5.2. Công trình: Sửa chữa, cải tạo Cổng

a) *Đánh giá hiện trạng công trình:* Cổng quét vôi ve bị bong tróc, rêu mốc. Cánh cổng sắt bị hoen rỉ bong một số mối hàn.

b) *Giải pháp cải tạo:* Khoan cây thép D8 A500 vào cột trực 1, xây ốp trụ cổng gạch không nung vữa xi măng mác 50. Tháo dỡ cánh cổng sắt phụ, xây bịt cánh cổng phụ bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50. Trát trụ, tường vữa xi măng mác 50. Vệ sinh toàn bộ cột, dầm quét lại vôi ve. Hàn các mối cổng sắt bị bong, vệ sinh cổng sắt sơn chống rỉ 3 nước.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 1780/SXD-QLN ngày 04/4/2019)

6. Tổng dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 286.256.000 đồng
(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 218.573.000 đồng
- Chi phí QLDA: 6.521.424 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 29.931.603 đồng
- Chi phí khác: 17.598.734 đồng
- Chi phí dự phòng: 13.631.238 đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh (UBND tỉnh hỗ trợ khoảng 80% kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018 còn lại theo Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; số kinh phí còn lại đơn vị chủ động tiết kiệm chi thường xuyên và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện).

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; sử dụng vốn đầu tư hiệu quả; đảm bảo không gây nợ đọng trong xây dựng cơ bản và thanh quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

- Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Viện trưởng Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

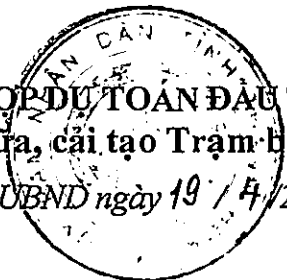
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các đơn vị có liên quan;
 - Lưu: VT, NN.
- (MC28.4.19)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



Phụ biểu chi tiết: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình: Sửa chữa, cải tạo Trạm bảo vệ rừng Ngọc Lặc

(Kèm theo Quyết định số: **1397** /QĐ-UBND ngày **19 / 4 / 2019** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: **Đồng**

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	198.702.727	19.870.273	218.573.000	Gxd
1	Nhà làm việc, sân bê tông, cổng	198.702.727	19.870.273	218.573.000	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	6.521.424		6.521.424	Gqlđa
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	24.301.458	2.430.146	29.931.603	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			3.200.000	
2	Chi phí lập Báo cáo KTKT	12.915.677	1.291.568	14.207.245	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	2.000.000	200.000	2.200.000	
4	Chi phí thẩm tra dự toán	2.000.000	200.000	2.200.000	
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp	858.396	85.840	944.235	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	6.527.385	652.738	7.180.123	
IV	CHI PHÍ KHÁC	16.887.378	711.356	17.598.734	Gk
1	Chi phí hạng mục chung	6.954.595	695.460	7.650.055	
2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	54.389		54.389	
3	Chi phí bảo hiểm công trình	158.962	15.896	174.858	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	2.719.432		2.719.432	
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	2.000.000		2.000.000	
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	5.000.000		5.000.000	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			13.631.238	GDP
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng			13.631.238	
TỔNG CỘNG				286.255.999	Gxdct
LÀM TRÒN				286.256.000	

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng)